

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Văn hoá;

Chuyên ngành: Quản lý văn hoá

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THỊ ANH QUYÊN

2. Ngày tháng năm sinh: 18/02/1976; Nam  ; Nữ  ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Thanh An, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 12 ngách 823/6, Hồng Hà, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nguyễn Thị Anh Quyên, Giảng viên khoa Quản lý Văn hoá Nghệ thuật, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, số 418 La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0915571159;

E-mail: nghanhquyen@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 6/1998 đến tháng 2/2006: Chuyên viên Khoa Văn hoá quần chúng, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

Từ tháng 3/2006 đến tháng 7/2013: Giảng viên khoa Quản lý Văn hoá, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.

Từ tháng 8/2013 đến tháng 10/2019: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Chính sách văn hoá, khoa Quản lý Văn hoá Nghệ thuật, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.

Từ tháng 11/2019 đến tháng 12/2020: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Chính sách văn hoá và Quản lý nghệ thuật, khoa Quản lý Văn hoá Nghệ thuật, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.

Từ tháng 1/2021 đến tháng 6/2022: Giảng viên chính, Phó Bí thư chi bộ, Trưởng Bộ môn Chính sách văn hoá và Quản lý nghệ thuật, khoa Quản lý Văn hoá Nghệ thuật, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên chính, Phó Bí thư chi bộ khoa Quản lý Văn hoá Nghệ thuật, Trưởng Bộ môn Chính sách văn hoá và Quản lý nghệ thuật, khoa Quản lý Văn hoá Nghệ thuật, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: số 418 La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024. 38511971

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 9 năm 1997; số văn bằng: B52107; ngành: Thông tin Cổ động Quảng cáo; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 11 năm 1999; số văn bằng: C040838; ngành: Tiếng Anh; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Ngoại ngữ, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 24 tháng 3 năm 2004; số văn bằng: A007261; chuyên ngành: Văn hoá học; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 21 tháng 10 năm 2005; số văn bằng: -691821394; chuyên ngành: Quản lý Nghệ thuật và Di sản; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học London Metropolitan, Vương quốc Anh.

- Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 4 năm 2015; số văn bằng: 003989; chuyên ngành: Văn hoá học; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ....., ngành: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Văn hoá - Nghệ thuật - Thể dục Thể thao

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Marketing văn hoá nghệ thuật

- Chính sách văn hoá

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp cơ sở; thư ký 01 đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ.

- Đã công bố 25 bài báo khoa học trên các tạp chí và kỷ yếu hội thảo khoa học, cụ thể: Tạp chí Scopus (02 bài), ISI (01 bài), tạp chí khoa học quốc tế khác (02 bài), tạp chí khoa học trong nước (18 bài), kỷ yếu hội thảo khoa học (02 bài).

- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 03 (tham gia biên soạn 02 giáo trình; tác giả 01 sách chuyên khảo) của các Nxb có uy tín thuộc danh mục Hội đồng GS ngành quy định;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng, năm 2013, theo Quyết định số 3413/QĐ-BVHTTDL, ngày 30/09/2013, của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, năm 2014, theo Quyết định số 3260/QĐ-BVHTTDL, ngày 03/10/2014, của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Văn hoá, Thể thao và Du lịch, năm 2016, theo Quyết định số 3288/QĐ-BVHTTDL, ngày 16/09/2016, của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Chiến sĩ thi đua cấp Trường, các năm: 2007, 2012, 2013, 2014, 2021.

- Có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, năm học 2019-2020.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có tư cách, phẩm chất đạo đức tốt; gương mẫu trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; có ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của Nhà trường;

- Trung thực, khách quan và hợp tác với đồng nghiệp trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng và bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học;
- Đã được đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy đại học, giảng viên chính; không ngừng học tập nâng cao trình độ; tham gia tích cực vào việc đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy;
- Sử dụng tốt ngoại ngữ, ứng dụng được công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng các thiết bị công nghệ trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học;
- Có đủ sức khỏe theo yêu cầu của nghề nghiệp;
- Đáp ứng được đầy đủ các tiêu chuẩn và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm 04 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017					310	90	400/627,58/216
2	2017-2018					240	90	330/476,54/216
3	2018-2019			02	02	210	90	300/538,96/216
03 năm học cuối								
4	2019-2020			02		240	45	285/491,33/216
5	2020-2021			01		300	45	345/583,44/216
6	2021-2022				01	360	45	405/561,8/224

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Học ThS  Tại nước: Vương quốc Anh Từ năm: 2004 đến năm 2005

- Bảo vệ luận văn ThS  tại nước: Vương quốc Anh năm: 2005

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Ngoại ngữ; số bằng: c040838; năm cấp: 1999

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Zielona Gora, Ba Lan

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng cử nhân ngoại ngữ, ngành tiếng Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Bích Ngọc		HVCH	x		2018 - 2019	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	QĐ số 440/QĐ-ĐHVHHN, ngày 21/6/2019
2	Nguyễn Thế Toàn		HVCH	x		2018 - 2019	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	QĐ số 710/QĐ-ĐHVHHN, ngày 18/10/2019
3	Võ Thuỳ Dương		HVCH	x		2019 - 2020	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	QĐ số 224/QĐ-ĐHVHHN, ngày 01/6/2020
4	Nguyễn Quốc Vũ		HVCH	x		2019 - 2020	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	QĐ số 224/QĐ-ĐHVHHN, ngày 01/6/2020
5	Nguyễn Thị Thanh Thủy		HVCH	x		2020 - 2021	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	QĐ số 249/QĐ-ĐHVHHN, ngày 17/05/2021

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						

1	Marketing văn hoá nghệ thuật	GT	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009; Tái bản lần thứ ba, có sửa chữa, bổ sung, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	04	Biên soạn	Chương III: Quy trình lập kế hoạch marketing văn hoá nghệ thuật (tr.76-115)	Giấy xác nhận số 247/GXN-ĐHVHHN, ngày 09/05/2022 của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội
2	Gây quỹ và tìm tài trợ cho các tổ chức văn hoá nghệ thuật	GT	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009; Tái bản lần hai, có sửa chữa, bổ sung, Nxb Lao động, 2018	03	Biên soạn	Chương 3: Một số hình thức gây quỹ và tìm tài trợ (tr.111-155)	Giấy xác nhận số 246/GXN-ĐHVHHN, ngày 09/05/2022 của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội
II Sau khi được công nhận TS							
1	Chính sách và thực tiễn nghệ thuật biểu diễn ở Việt Nam	CK	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	01	Tác giả	tr.1-182	Giấy xác nhận, ngày 21/06/2022 của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội

Trong đó: 01 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản, mà ứng viên là tác giả (viết toàn bộ) sau TS: [1]

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận TS					
1					
2					
...					
II Sau khi được công nhận TS					
1	Nghiên cứu chiến lược marketing của một số nhà hát trên địa bàn Hà Nội (ĐT)	CN	Trường Đại học Văn hoá Hà Nội	6/2018-12/2018	Nghiệm thu ngày 14/3/2019; Xếp loại: khá

2	Marketing đào tạo văn hóa, nghệ thuật trong các trường đại học văn hóa, nghệ thuật trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (ĐT)	TK	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	1/2019-3/2021	Nghiệm thu ngày 5/5/2021; Xếp loại: đạt
3	Chính sách văn hoá đối với việc phát triển các ngành công nghiệp văn hoá (qua nghiên cứu lĩnh vực điện ảnh) (ĐT)	CN	Trường Đại học Văn hoá Hà Nội	5/2021-5/2022	Nghiệm thu ngày 14/6/2022; Xếp loại: khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Hoạt động marketing của một số nhà hát ở Việt Nam	01	x	Tạp chí Văn hoá nghệ thuật/ISSN: 0866-8655			(299), tr.62-65	5/2009
2	Lý thuyết Chu kỳ - công thức để thành công trong các tổ chức nghệ thuật	01	x	Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá/ISSN: 0866-7667			(03), tr.87-91	3/2013
3	Chiến lược truyền thông trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật	01	x	Tạp chí Văn hoá nghệ thuật/ISSN: 0866-8655			(346), tr.67-70	4/2013
4	Marketing hỗn hợp - một công cụ thu hút tài trợ	01	x	Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá/ISSN: 0866-7667			(04), tr.88-93	6/2013

5	Nghiên cứu thị trường văn hoá nghệ thuật	01	x	Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá/ISSN: 0866-7667			(05), tr.35-40	9/2013
II	Sau khi được công nhận TS							
6	Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hoá và xây dựng nền văn hoá dân tộc	01	x	Tạp chí Văn hoá nghệ thuật/ISSN: 0866-8655			(421), tr.43-46	7/2019
7	Đổi mới kinh tế và chính sách văn hoá: Cơ hội và thách thức cho các đơn vị nghệ thuật ở Việt Nam trong xu thế toàn cầu hoá	01	x	Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật/ISSN: 1859-4964			(29), tr.6-11	2019
8	Đề xuất một giải pháp phát triển khán giả cho các đơn vị văn hoá nghệ thuật	01	x	Tạp chí Văn hoá nghệ thuật/ISSN: 0866-8655			(423), tr.78-80	9/2019
9	Arts marketing in Vietnam – a cultural exchange and acculturation perspective	01	x	Cultural and social heritage, Zielona Gora University, Poland/ISBN: 978-83-952691-8-9			pp.43-52	2019
10	Các quan điểm marketing hiện đại, phân tích khái niệm và các yếu tố cấu thành marketing đào tạo	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Mô hình và giải pháp marketing cho các trường đại học văn hoá, nghệ thuật trong điều kiện tự chủ đại học”, Nxb Dân trí/ISBN: 978-604-314-351-5			tr.228-252	2021



11	Các khái niệm và mô hình marketing nghệ thuật	01	x	Tạp chí Văn hoá nghệ thuật/ISSN: 0866-8655			(467), tr.76-80	7/2021
12	Vùng văn hoá – Yếu tố ảnh hưởng đến khán giả sân khấu	01	x	Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật/ISSN: 1859-4964			(38), tr.11-16	2021
13	Vốn văn hoá với phát triển du lịch và kinh tế thành phố Hà Nội	01	x	Tạp chí Văn hoá và Nguồn lực/ISSN:2354-0907			4(28), tr.63-70	2021
14	The Impact of Marketing on Activities of Vietnam Arts and Cultural Organizations DOI: <a href="https://doi.org/10.21744/lingcure.v6n1.2038">https://doi.org/10.21744/lingcure.v6n1.2038</a> <a href="https://lingcure.org/index.php/journal/article/view/2038">https://lingcure.org/index.php/journal/article/view/2038</a>	01	x	Linguistics and Culture Review/ISSN (online): 2690-103X			6 (1), pp.99-109	12/2021
15	Chính sách văn hoá Việt Nam thời kỳ 1945-1954 và những thành tựu	01	x	Tạp chí Văn hoá nghệ thuật/ISSN: 0866-8655			(485), tr.12-16	1/2022
16	Chính sách Điện ảnh Việt Nam trong thời đại của các nền tảng công nghệ	01	x	Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá/ISSN: 0866-7667			1 (39), tr.100-108	2022
17	Chính sách văn hoá Việt Nam thời kỳ 1975-1985	01	x	Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật/ISSN: 1859-4964			(40), tr.10-15	2022
18	Công ước 2005 và chính sách bảo vệ, phát huy sự đa dạng	01	x	Tạp chí Văn hoá nghệ thuật/ISSN: 0866-8655			(491), tr.32-35, 39	3/2022

	của các biểu đạt văn hoá ở Việt Nam							
19	Mô hình cánh tay nối dài trong chính sách văn hoá của Vương quốc Anh	01	x	Tạp chí Văn hoá và Nguồn lực/ISSN:2354-0907			1(29), tr.64-72	2022
20	Factors Affecting Arts Marketing of Theaters in Hanoi, Vietnam DOI: <a href="https://doi.org/10.37394/232015.2022.18.43">10.37394/232015.2022.18.43</a> <a href="https://wseas.com/journals/articles.php?id=6557">https://wseas.com/journals/articles.php?id=6557</a>	01	x	WSEAS Transactions on Environment and Development /Print ISSN: 1790-5079, E-ISSN: 2224-3496	Scopus (Q3), H-Index: 21, SJR = 0.19		Vol.18, pp.442-451	4/2022
21	Nâng cao hiệu quả chính sách quản lý và phát triển nghệ thuật biểu diễn ở Việt Nam hiện nay	01	x	Tạp chí Văn hoá nghệ thuật/ISSN: 0866-8655			(497), tr.67-71	5/2022
22	Assess the Roles of Film Development Policy in the Field of Vietnamese Cinema DOI: <a href="https://doi.org/10.37394/232015.2022.18.52">10.37394/232015.2022.18.52</a> <a href="https://wseas.com/journals/articles.php?id=6684">https://wseas.com/journals/articles.php?id=6684</a>	01	x	WSEAS Transactions on Environment and Development /Print ISSN: 1790-5079, E-ISSN: 2224-3496	Scopus (Q3), H-Index: 21, SJR = 0.19		Vol.18, pp.534-542	5/2022
23	Policy on Development of Cultural Industries in Vietnam DOI: <a href="https://doi.org/10.9756/INT-JECSE/V14I2.441">10.9756/INT-JECSE/V14I2.441</a>	01	x	International Journal of Early Childhood Special Education/ISSN: 1308-5581	ISI (ESCI)		Vol 14, Issue 02, pp. 4045-4052	2022

	<a href="https://www.int-jecse.net/abstract.php?id=2188">https://www.int-jecse.net/abstract.php?id=2188</a>						
24	Chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực văn hoá nghệ thuật Việt Nam hiện nay	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học ngành văn hoá nghệ thuật tại Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội /ISBN: 978-604-369-905-0		tr.25-35	2022
25	Ứng dụng marketing online trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật	01	x	Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam/ISSN: 1605-2811 (1013-4328)		(6), tr.115-128	6/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 04 bài báo khoa học (số thứ tự: 14, 20, 22, 23) đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, tạp chí Scopus, ISI mà UV là tác giả sau TS.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:.....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hoá, trình độ đại học	Tham gia	Giấy xác nhận, ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá Hà Nội	Trường Đại học Văn hoá Hà Nội	Quyết định số 775/QĐ-ĐHVHHN ngày 05/11/2019 về việc ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)   
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2022

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Thị Anh Quyên**